

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN GIỐNG CHUỐI TIÊU GL3-1

Nguyễn Thiên Lương¹, Ngô Hồng Bình², Trịnh Khắc Quang²Nguyễn Văn Nghiêm², Võ Văn Thắng², Triệu Tiến Dũng³

TÓM TẮT

Giống chuối tiêu GL3-1 được Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo từ nguồn nhập nội, có thời gian sinh trưởng ngắn khoảng 11 tháng. Kết quả khảo nghiệm giống GL3-1 tại các tỉnh/thành Hà Nội, Hưng Yên và Phú Thọ từ năm 2009 đến 2013 cho thấy, giống sinh trưởng khỏe và trổng được cả vụ thu và xuân. Giống chuối GL3-1 có chiều cao thân già thấp và vỏ quả dày hơn so với giống Tiêu hồng. Giống chuối GL3-1 cho năng suất cao 42 - 45 tấn/ha và chất lượng quả tương đương giống chuối Tiêu hồng, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Đã nghiên cứu xác định được mật độ trồng thích hợp của giống GL3-1 là 2.000 cây/ha, với khoảng cách hàng x cây là 2,5 x 2,0 m. Mức phân bón sử dụng cho giống GL3-1 để đạt năng suất cao là 240 g N + 60 g P₂O₅ + 480 g K₂O cho một cây.

Từ khóa: *Tuyển chọn, khảo nghiệm, giống chuối tiêu GL3-1, vùng Trung du, đồng bằng Bắc bộ.*

1. MỞ ĐẦU

Chuối là cây ăn quả ngắn ngày, có quy mô sản xuất khá lớn ở nước ta. Những năm gần đây, sản xuất chuối có xu hướng tăng với tổng diện tích 105-110 ngàn ha và tổng sản lượng hàng năm khoảng 1,4-1,6 triệu tấn. Chuối còn là một trong số ít cây ăn quả có khả năng phát triển thành những vùng sản xuất tập trung quy mô 400-500 ha.

Tuy nhiên, năng suất chuối trung bình trên cả nước mới chỉ đạt 16,4 tấn/ha, thấp hơn so với các nước trong khu vực và thế giới. Mặt khác, độ đồng đều và phẩm cấp quả hàng hóa chưa cao nên chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường, do vậy hiệu quả kinh tế trồng chuối còn thấp. Nguyên nhân chính là sản xuất chuối ở hầu hết các vùng còn theo lối quang canh, đầu tư không thỏa đáng và chưa chú trọng áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất tiến bộ. Đáng chú ý là người sản xuất hiện có quá ít giống chuối tốt để lựa chọn. Cho đến nay mới chỉ có giống chuối Tiêu vừa Phú Thọ được công nhận giống chính thức và giống chuối Tiêu hồng được công nhận giống sản xuất thử.

Góp phần khắc phục tình trạng trên, từ năm 2009 đến năm 2013, Viện Nghiên cứu Rau quả đã tiến hành nghiên cứu tuyển chọn và khảo nghiệm một số giống chuối nhập nội. Kết quả là đã tuyển chọn được

giống chuối GL3-1 (TV1) đạt năng suất cao, chất lượng quả tốt, thích hợp với điều kiện sinh thái vùng Trung du và đồng bằng Bắc bộ. Đáng chú ý là giống chuối GL3-1 thấp cây, sinh trưởng khỏe nên có khả năng chống đổ và chịu gió, bão tốt hơn các giống chuối khác.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nguồn thực liệu nghiên cứu tuyển chọn giống bao gồm 7 giống chuối tiêu đã được thu thập ở ngoài nước từ năm 2009 (GL3-1, TV2, TV3, TV4, TV5, TV6 và TV7).

- Các giống chuối tham gia khảo nghiệm cơ bản gồm GL3-1, TV2 và giống đã được công nhận sản xuất thử Tiêu hồng.

2.1.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Nghiên cứu tuyển chọn giống từ năm 2009 đến năm 2010 tại Viện Nghiên cứu Rau quả - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

- Khảo nghiệm cơ bản từ tháng 2/2011 đến tháng 2/2012 và khảo nghiệm sản xuất từ tháng 2/2012 đến tháng 2/2013 tại Gia Lâm - Hà Nội, Khoái Châu - Hưng Yên và Lâm Thao - Phú Thọ.

- Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật sản xuất chuối GL3-1 từ tháng 8/2011 đến tháng 2/2013.

¹ Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ NN&PTNT

² Viện Nghiên cứu Rau quả

³ Viện KHKT NNLN miền núi phía Bắc

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Các mẫu giống sau khi thu thập được trồng vào vườn tập đoàn, bố trí không lặp lại, mỗi giống trồng 8-10 cây.

- Các thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản, khảo nghiệm sản xuất và thảm canh trồng mỗi ô 15 cây, nhắc lại 3 lần, bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD).

Các thí nghiệm đều trồng ở mật độ 2000 cây/ha theo khoảng cách 2,0 x 2,5 m. Không kể thí nghiệm phân bón, mỗi cây đều bón 10 kg phân hữu cơ, 240 g N, 60 g P₂O₅ và 480 g K₂O. Bón lót toàn bộ phân chuồng và phân lân. Bón thúc 7 lần các loại phân đậm và kali vào các thời điểm sau trồng 10, 30, 60, 90, 150, 210 và 270 ngày. Lần 1 và 2 bón 5%, lần 3 bón 10%, các lần bón 4-7 mỗi lần bón 20% tổng lượng đậm và kali.

2.2.2. Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi

Các chỉ tiêu về sinh trưởng và năng suất theo dõi mỗi ô 5 cây cố định. Trong đó, chiều cao và đường kính thân già, số lá mới theo dõi theo định kỳ 1 tháng. Số lá hoạt động theo dõi tại thời điểm trổ buồng. Sâu bệnh hại theo dõi định kỳ 15 ngày/lần. Khả năng thích ứng với điều kiện ngoại cảnh theo dõi khi có tác động bất lợi như: nắng, nóng, hạn, úng và rét....

Các số liệu sau khi tập hợp được xử lý thống kê theo những phương pháp thông dụng. Một số chỉ tiêu được xử lý trên máy tính với phần mềm IRRISTAT 4.0 và EXCEL.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu đánh giá nguồn giống nhập nội

Kết quả đánh giá nguồn giống nhập nội ban đầu tại bảng 1 cho thấy, không kể giống TV5 thuộc nhóm thân già cao, đạt đến 357,0 cm và đường kính lớn 25,6 cm, các giống còn lại đều thuộc nhóm chuối tiêu vừa, thân già đạt cao 202,7 - 220,0 cm và đường kính 15,9 - 17,8 cm.

Trong vụ quả năm 2010, giống GL3-1 đạt khối lượng buồng lớn nhất là 18,7 kg tiếp theo là giống TV3 đạt 17,8 kg và TV5 đạt 17,2 kg. Các giống TV4, TV6, TV2 và TV7 đạt khối lượng buồng nhỏ nhất, 15,7 - 16,3 kg.

Bảng 1. Khả năng sinh trưởng và năng suất của các giống chuối tiêu nhập nội

(Vụ quả năm 2010)

Giống	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Khối lượng buồng (kg)	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)
GL3-1	202,7	17,5	18,7	16,8	3,4
TV2	210,0	16,3	16,1	16,1	3,0
TV3	219,3	17,8	17,8	16,6	3,2
TV4	220,0	16,9	15,7	14,8	3,1
TV5	357,0	25,6	17,2	16,5	2,6
TV6	213,9	16,9	16,0	16,2	3,0
TV7	203,7	15,9	16,3	16,0	3,1

Chiều dài quả của giống TV4 ngắn nhất là 14,8 cm. Các giống khác đều đạt chiều dài trên 16,0 cm. Đường kính quả của giống TV5 nhỏ nhất là 2,6 cm. Các giống khác đều đạt đường kính trên 3,0 cm.

Về năng suất và kích thước quả, giống GL3-1 và TV3 có triển vọng nhất.

3.2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

* *Khả năng sinh trưởng của các giống chuối triển vọng*

Bảng 2. Kích thước thân già các giống khảo nghiệm khi trổ buồng (Vụ quả năm 2011)

Giống	Chiều cao thân (cm)			Đường kính thân (cm)		
	H. Yên	P. Thọ	Hà Nội	H. Yên	P. Thọ	Hà Nội
GL3-1	204,94	210,83	201,98	18,62	19,04	18,69
TV3	225,81	227,70	236,02	18,61	18,97	18,48
Tiêu hồng (Đ/c)	224,50	236,53	225,47	18,91	19,24	18,89
CV(%)	4,3	4,1	4,6	4,2	3,9	4,7
LSD _{0.05}	7,88	8,30	8,83	1,36	1,18	1,28

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, chiều cao thân già của giống TV3 cao nhất và của giống GL3-1 thấp nhất. Giữa các điểm khảo nghiệm, chiều cao thân già của giống GL3-1 biến động 201,98 - 210,83 cm, trong đó, đối với giống Tiêu hồng biến động 224,50 - 236,53 cm. Giống khảo nghiệm GL3-1 và TV 3 có thân già mập chắc, đường kính thân biến động 18,48 - 19,24 cm, so với giống đối chứng Tiêu hồng 18,89 đến 19,24 cm.

* *Năng suất và yếu tố cấu thành năng suất*

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, tại các điểm khảo nghiệm, năng suất của giống GL3-1 so với giống Tiêu

hồng không có sự sai khác nhau, tương ứng 41,28 – 44,90 tấn/ha và 40,00 – 45,54 tấn/ha. Giống TV3 đạt thấp hơn 31,62 – 36,84 tấn/ha.

Bảng 3. Năng suất của các giống chuối khảo nghiệm (Vụ quả năm 2011)

Giống	Hưng Yên		Phú Thọ		Hà Nội	
	Khối lượng buồng (kg)	Năng suất (tấn/ha)	Khối lượng buồng (kg)	Năng suất (tấn/ha)	Khối lượng buồng (kg)	Năng suất (tấn/ha)
GL3-1	22,45	44,90	20,89	41,78	20,64	41,28
TV3	18,42	36,84	16,36	32,72	15,81	31,62
Tiêu hồng (Đ/c)	22,77	45,54	21,08	42,16	20,00	40,00
CV(%)	3,8	6,4	3,5	3,6	8,7	8,7
LSD _{0,05}	1,67	2,13	1,29	2,50	1,20	2,36

* Thành phần sinh hóa quả chủ yếu

Hàm lượng axit tổng số giữa các giống khảo nghiệm ở Hưng Yên là 0,09 – 0,10%, ở Phú Thọ 0,09 – 0,12% cm và ở Hà Nội 0,12 – 0,16%.

Hàm lượng đường tổng số giữa các giống khảo nghiệm ở Hưng Yên là 18,33 – 18,50%, ở Phú Thọ là 17,94 – 18,50% và ở Hà Nội là 17,85 – 18,50% (bảng 4).

Bảng 4. Một số chỉ tiêu sinh hóa quả của các giống khảo nghiệm (Vụ quả năm 2011)

Giống	Đường tổng số (%)			Axit tổng số (%)		
	H. Yên	P. Thọ	Hà Nội	H. Yên	P. Thọ	Hà Nội
GL3-1	18,50	18,15	18,25	0,09	0,12	0,12
TV3	18,33	17,94	17,85	0,10	0,09	0,16
Tiêu hồng (Đ/c)	18,36	18,50	18,50	0,09	0,09	0,14

Kết quả ở bảng 5 cho thấy, độ dày vỏ quả của giống GL3-1 (0,38 cm) dày hơn đáng kể so với giống chuối Tiêu hồng (0,34 cm) và giống chuối TV3 (0,32 cm). Đây là đặc tính quan trọng được ghi nhận trong quá trình vận chuyển, bảo quản chuối. Tỷ lệ thịt quả của cả 2 giống khảo nghiệm GL3-1 và TV3 tương ứng 85,16% và 87,21% và thấp hơn so với giống đối chứng Tiêu hồng 87,74%.

Bảng 5. Thành phần cơ giới quả của các giống chuối tiêu khảo nghiệm tại Khoái Châu – Hưng Yên

(Vụ quả năm 2011)

Giống	Đ.kính quả (cm)	Đ.kính thịt quả (cm)	Độ dày vỏ quả (cm)	Tỷ lệ thịt quả (%)
GL3-1	3,86	3,48	0,38	85,16
TV3	3,64	3,32	0,32	87,21
Tiêu hồng (Đ/c)	3,80	3,46	0,34	87,74
CV(%)	4,1	3,9	4,4	
LSD _{0,05}	0,41	0,22	0,03	

* Khả năng thích ứng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận

Các giống chuối khảo nghiệm chịu rét ở mức trung bình (điểm 2/5) và đều có khả năng hồi phục sau rét khá nhanh. Trong điều kiện thí nghiệm, giống chuối GL3-1 và Tiêu hồng chưa bị hại bởi hạn và nắng nóng, riêng giống chuối TV3 bị hạn và nắng nóng nên bị hại ở mức độ nhẹ. Đến thời điểm hiện tại, chưa đánh giá được khả năng chịu ứng ngập của cả 2 giống khảo nghiệm.

* Về tình hình sâu bệnh hại

Tất cả các giống khảo nghiệm đều bị sâu đục thân ở mức độ nhẹ, bệnh đốm lá và sâu gặm vỏ ở mức trung bình. Giống GL3-1 bị bệnh thán thư nhẹ hơn so với các giống đối chứng Tiêu hồng và TV3.

3.3. Kết quả khảo nghiệm sản xuất

3.3.1. Thời gian sinh trưởng và độ lớn của cây khi trổ buồng

Bảng 6. Sinh trưởng của giống chuối GL3-1 ở các điểm khảo nghiệm khi trổ buồng (Vụ quả năm 2012)

Địa điểm	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Tổng số lá (lá)	Số lá hoạt động (lá)
1. Hưng Yên				
- GL3-1	206,13	18,50	33,41	12,15
- Tiêu hồng	225,34	18,71	33,21	12,73
2. Phú Thọ				
- GL3-1	212,26	18,24	32,84	12,93
- Tiêu hồng	241,40	19,00	33,10	12,20
3. Hà Nội				
- GL3-1	202,33	18,30	34,45	12,30
- Tiêu hồng	228,70	18,56	34,50	12,50

Kết quả ở bảng 6 cho thấy, ở các điểm khảo nghiệm, chiều cao giả của giống GL3-1 thấp hơn giống đối chứng Tiêu hồng và giữa 2 giống sự khác

bietet về các chỉ tiêu sinh trưởng thân lá khác đều không rõ ràng.

3.3.2. Năng suất giống chuối GL3-1 ở các điểm khảo nghiệm

Bảng 7. Năng suất chuối GL3-1 ở các điểm khảo nghiệm (Vụ quả năm 2011)

Địa điểm	Số quả/buồng (quả)	Khối lượng quả (g)	Khối lượng buồng (kg)	Năng suất (tấn/ha)
1. Hưng Yên				
- GL3-1	133	139	22,3	44,60
- Tiêu hồng	127	142	21,8	43,60
2. Phú Thọ				
- GL3-1	125	141	21,4	42,80
- Tiêu hồng	129	137	21,7	43,40
3. Hà Nội				
- GL3-1	130	134	21,2	42,40
- Tiêu hồng	128	136	21,6	43,20

Năng suất của giống GL3-1 tại các điểm khảo nghiệm đều đạt khá cao và không có sự sai khác đáng kể so với giống Tiêu hồng. Trong đó, năng suất cao nhất tại điểm Hưng Yên, giống GL3-1 đạt 44,60 tấn/ha và giống Tiêu hồng đạt 43,60 tấn/ha.

3.3.3. Chất lượng quả giống chuối GL3-1 ở các điểm khảo nghiệm

Giống chuối GL3-1 có hàm lượng axit tổng số 0,08 – 0,09%, đường tổng số 18,31 – 18,73%, vitamin C 6,36 – 7,16 mg% và tanin 0,08 – 0,09%.

Giống đối chứng Tiêu hồng có hàm lượng axit tổng số 0,12 – 0,13%, đường tổng số 18,06 – 18,23%, vitamin C 6,28 – 7,21 mg% và tanin 0,10 – 0,13%.

Bảng 9. Thời gian sinh trưởng của giống chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

(Tân Châu – Khoái Châu – Hưng Yên, 2011-2013)

Thực liệu trồng	Trồng vụ thu (8/2011) (ngày)			Trồng vụ xuân (2/2012) (ngày)		
	Trồng-trỗ buồng	Trỗ-thu hoạch	Tổng số	Trồng-trỗ buồng	Trỗ-thu hoạch	Tổng số
Cây nuôi cấy mô	222,1	105,9	338,0	200,9	104,2	305,1
Cây tách chồi	260,2	108,1	368,3	227,3	106,4	333,7
Ttl	2,12	2,12	2,12	2,12	2,12	2,12
Tính	9,79	1,83	11,45	10,92	1,83	12,07

Nếu trồng vụ thu, thời gian sinh trưởng của giống GL3-1 trồng bằng cây nuôi cấy mô là 338,0 ngày, ngắn hơn khoảng 30 ngày so với trồng cây tách chồi (368,3 ngày). Nếu trồng vụ xuân, thời gian sinh

trưởng của cây nuôi cấy mô là 305,1 ngày, ngắn hơn khoảng 28 ngày so với trồng cây tách chồi (333,7 ngày). Nếu trồng vụ xuân thời gian sinh trưởng của chuối GL3-1 rút ngắn 33-35 ngày so với vụ thu.

3.4. Kết quả nghiên cứu biện pháp kỹ thuật thâm canh giống chuối GL3-1

3.4.1. Sinh trưởng và năng suất giống chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

* Khả năng sinh trưởng của chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

Ở cùng một thời vụ trồng, giữa cây nuôi cấy mô và cây tách chồi không có sự khác biệt đáng kể về sinh trưởng thân già. Cây chuối trồng vụ xuân, chiều cao và đường kính thân già thấp hơn so với trồng vụ thu không đáng kể. Tuy nhiên, trồng cây nuôi cấy mô thân già thấp hơn và cây mập hơn so với cây tách chồi.

Bảng 8. Sinh trưởng thân già của giống chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng khi trỗ buồng

(Tân Châu – Khoái Châu – Hưng Yên, 2011-2013)

Thực liệu trồng	Trồng vụ thu (8/2011)		Trồng vụ xuân (2/2012)	
	Chiều cao thân (cm)	Đ.kính thân (cm)	Chiều cao thân (cm)	Đ.kính thân (cm)
Cây nuôi cấy mô	208,4 ± 6,6	18,8 ± 0,4	205,8 ± 5,2	18,4 ± 0,2
Cây tách chồi	216,4 ± 11,4	18,3 ± 0,6	213,4 ± 7,6	18,1 ± 0,3
Ttl	2,12	2,12	2,12	2,12
Tính	1,41	1,78	1,95	1,88

* Thời gian sinh trưởng của chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

* Yếu tố cấu thành năng suất và năng suất chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

Kết quả ở bảng 10 cho thấy, giữa 2 thời vụ trồng (vụ thu và vụ xuân), các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống chuối GL3-1 trồng cây nuôi

Bảng 10. Các yếu tố cấu thành năng suất giống chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

(Tân Châu - Khoái Châu - Hưng Yên, 2011-2013)

Thời vụ trồng	Thực liệu trồng	Số nải/buồng (nải)	Số quả/buồng (quả)	Khối lượng quả (g)	Khối lượng buồng (kg)
Vụ thu (8/2011)	Cây nuôi cấy mô	9,3	135,8	152,1	22,7
	Cây tách chồi	9,0	133,6	149,8	22,2
	Ttl	2,12	2,12	2,12	2,12
	Ttính	1,30	1,54	1,81	1,43
Vụ xuân (2/2012)	Cây nuôi cấy mô	9,0	131,2	149,4	21,6
	Cây tách chồi	8,7	129,4	146,7	21,1
	Ttl	2,12	2,12	2,12	2,12
	Ttính	1,30	1,32	2,05	1,79

* Chất lượng quả chuối GL3-1 ở một số thời vụ trồng

Nếu trồng vụ thu, giống GL3-1 có hàm lượng axit tổng số trong khoảng 0,12-0,13%, hàm lượng đường tổng số 18,26-18,50%, và hàm lượng tanin 0,11-0,13%. Nếu trồng vụ xuân, sự thay đổi về các chỉ tiêu chất lượng quả cũng ở trong giới hạn tương tự như trồng vụ thu. Tuy nhiên, tùy thuộc loại thực liệu trồng, hàm lượng đường vụ xuân đạt 19,34-19,63%, cao hơn đáng kể so với trồng vụ thu.

3.4.2. Nghiên cứu xác định liều lượng phân bón thích hợp cho chuối GL3-1

* Ảnh hưởng liều lượng phân bón đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất

Bảng 11. Ảnh hưởng của liều lượng bón đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất giống chuối GL3-1

(Tân Châu - Khoái Châu - Hưng Yên, 2012-2013)

Liều lượng bón (g/cây)	Số quả/ buồng (quả)	K.lượng quả (g)	K.lượng buồng (kg)	Năng suất (tấn/ha)
180N:45P:360K	117,40	146,42	19,10	38,20
200N:50P:400K	123,19	149,04	20,40	40,80
220N:55P:440K	124,92	154,75	21,48	42,96
240N:60P:480K	129,14	160,15	22,98	45,96
260N:65P:520K	132,80	158,25	23,35	46,70
CV(%)				7,5
LSD _{0,05}				2,14

cây mô và trồng cây tách chồi đều không có sự khác biệt đáng kể. Tuy nhiên, trong vụ thu, khối lượng buồng và các yếu tố cấu thành năng suất của cả hai loại thực liệu trồng đều có xu hướng cao hơn vụ xuân.

Kết quả thí nghiệm ở bảng 11 cho thấy, các liều lượng bón khác nhau có ảnh hưởng khá rõ rệt đến các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất chuối GL3-1. Xét về hiệu quả kinh tế, lượng bón 240 N:60 P:480 K g/cây cho khối lượng buồng 22,98 kg và năng suất 45,96 tấn/ha, cao hơn hẳn so với các lượng bón khác và không thua kém ở lượng bón cao hơn. Đây là yếu tố quyết định đến đầu tư của người sản xuất.

* Ảnh hưởng của các liều lượng bón đến kích thước quả

Trong phạm vi thí nghiệm, chiều dài và đường kính quả ở cả nải 3 và nải 6 đều có chiều hướng tăng tỷ lệ thuận với liều lượng bón phân. Ở liều lượng phân bón thấp 180 N:45 P:360 K g/cây, nải 3 chỉ đạt chiều dài quả 17,70 cm và đường kính quả 3,56 cm. Trong khi đó, ở liều lượng bón cao 260 N:65 P:520 K g/cây, các trị số tương ứng đều cao hơn khá nhiều và lần lượt đạt tới 18,06 cm và 3,78 cm.

* Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến phẩm chất quả

Các mức phân bón khác nhau trong phạm vi 180N:45P:360K - 260 N:65 P:520 K g/cây ít làm thay đổi thành phần sinh hóa trong quả của giống GL3-1. Hàm lượng các chất chỉ thay đổi rất ít, tanin 0,088-0,104%, axit 0,32-0,38%, đường tổng số từ 18,95-19,56%.

Những kết quả nghiên cứu trên đây cho phép kết luận liều lượng phân bón thích hợp đối với giống

chuối GL3-1 là 240 N:60 P:480 K g/cây/vụ sẽ cho chất lượng quả tốt, năng suất đạt cao hơn các liệu lượng phân bón khác.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Giống chuối nhập nội GL3-1 sinh trưởng khỏe, thời gian từ trồng đến thu hoạch ngắn khoảng 11 tháng.

- Giống chuối GL3-1 có chiều cao thân già (201,98-210,83 cm) thấp hơn giống Tiêu hồng, nhưng vỏ quả (0,38 cm) lại dày hơn.

- Giống chuối GL3-1 đạt năng suất cao và chất lượng quả tương đương giống chuối Tiêu hồng. Khối lượng buồng 20,64-22,45 kg/buồng, năng suất 42 - 45 tấn/ha

- Giống chuối GL3-1 chịu rét, hạn và nắng nóng khá, ít bị sâu bệnh hại, có khả năng phát triển ở các vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ.

- Giống chuối GL3-1 đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

hợp ngày 11 tháng 5 năm 2013 công nhận cho sản xuất thử tại các tỉnh trung du và đồng bằng Bắc bộ.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản giống chuối GL3-1 đáp ứng yêu cầu của người sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agustin B. Molina, V. N. Roa and M. A. G. Maghuop, 2000. Advancing banana and plantain R & D in Asia and the Pacific – Vol.10. Proceeding of the 10th INIBAP-ASPNET Regional Advisory Committee meeting held at Bangkok, Thailand.

2. Inge Van den Bergh and Agustin B. Molina, 2007. A basket full of options for sustainable banana production in Asia and the Pacific. Bioversity International Regional Office for Asia and the Pacific, Los Banos, Laguna, Philippines.

3. Recel, M.R. 2004. Banana production manual. Philippines Council for Agriculture, Forestry and National Resources R & D – Department of Science and Technology, Los Banos, Laguna, Philippines.

RESULTS OF SELECTION FOR BANANA VARIETY TIEU GL3-1

Nguyen Thien Luong, Ngo Hong Binh, Trinh Khac Quang

Nguyen Van Nghiem, Vo Van Thang, Trieu Tien Dung

Summary

Banana Tieu GL3-1 was selected by the Fruit and Vegetables Research Institutes- Gia Lam, Hanoi from imported materials. GL3-1 variety was evaluated in different sites at Hanoi, Hung Yen and Phu Tho during 2009-2013 period and given that has short maturity (around 11 months) with good growth, development and can be grown in autumn and spring seasons. The results of experiments have identified pseudostem of Tieu GL3-1 to be shorter and fruit skin thicker than other Tieu varieties and high yielding 42-45 tons/ha so that meets all the standards of export and domestic consumptions. According to the research, the optimal density for this variety is 2,000 plants per ha at spacing of 2.5 m between rows and 2.0 m between plants. Dosage of fertilizer for each plant for the first cycle is at 240 g N + 60 g P₂O₅ + 480 g K₂O that gets high yielding and income.

Keywords: Banana Tieu GL3-1 variety, selection, test, midland, Northern delta of Vietnam.

Người phản biện: TS. Cao Anh Long

Ngày nhận bài: 6/5/2013

Ngày thông qua phản biện: 6/6/2013

Ngày duyệt đăng: 13/6/2013